TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-02-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Tuấn Vĩnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lục Minh Thắng**.

Ông **Trần LệnhThi**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Chữ** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông **Vi Lương Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm: 1985; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm: 1991; vắng mặt lần 2 không có lý do;

Cùng cư trú tại: Thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh Nguyễn Mạnh C trình bày: Anh và vợ anh là chị Lê Thị H, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2014 tại UBND xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không có sự động viên chia sẻ, từ đó xảy ra cãi nhau, vợ anh không tu trí làm ăn, thường đi vắng xa nhà, đi đâu làm gì không nói cho anh được biết, vợ chồng chung sống với nhau từ lâu nhưng không có con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu

năm 2019 cho đến nay. Hiện tại anh thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H theo quy định.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Do vậy anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án, Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương nơi chị H cư trú và Tòa án cũng đã gửi văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T là người thân của anh C và chị H, bà T đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H được biết việc anh C yêu cầu ly hôn chị H, bà T cũng đã liên lạc qua điện thoại cho chị H nhưng chị H vẫn che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Nguyễn Thị T là người thân của anh C, chị H, trưởng thôn, Tư pháp xã nơi anh C, chị H cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Mạnh C và chị Lê Thị H như sau: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Lê Thị H chung sống với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng có tranh chấp xích mích nhau và đã xảy ra cãi chửi nhau, chị H mải chơi không tu trí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quá trình chung sống vợ chồng anh C, chị H không có con chung, anh C và chị H đều đi làm ăn xa nhà, hiện chị H không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về gia đình và chị H đi đâu, làm gì không báo cáo chính quyền địa phương, vợ chồng anh C và chị H đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Người thân của chị H, anh C cho biết chị H đi làm ăn xa thi thoảng mới về nhà, chị H đã biết được việc Tòa án triệu tập chị H đến Tòa án để giải quyết vụ việc xin ly hôn của anh C, nhưng chị H không đến Tòa án. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh C, chị H không còn quan tâm đến nhau; về con chung và tài sản: Quá trình chung sống anh chị không có con chung và cũng không có tài sản gì.

Tại phiên toà hôm nay, anh C vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh có trình bày rõ anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Lê Thị H; về con chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn chị Lê Thị H, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh C đối với chị Lê Thị H về việc "Ly hôn". Anh Nguyễn mạnh C được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh C và chị H không có con, nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do anh Nguyễn Mạnh C có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị H có nơi cư trú là thôn C, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cứ trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án người thân chị H nhận văn bản tố tụng của Tòa án và đều thông báo qua điện thoại cho chị H nhưng chị H vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc anh C yêu cầu ly hôn, hơn nữa Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với chị H theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị H. Nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Mạnh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh C và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái nên hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống anh C và chị H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H không tu trí làm ăn, hai bên không chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của anh C. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh ngày 22/11/2021 thể hiện do vợ chồng anh C chị H bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, chị H không tu trí làm ăn, vợ chồng chung sống đã lâu nhưng không có con chung, chị H đi làm ăn xa không thông báo địa chỉ cụ thể cho gia đình và chính quyền xã nơi chị H cư trú, thời gian anh C và chị H sống ly thân đã lâu, chị H không quan tâm cuộc sống hôn nhân. Anh C xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh C không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[5] Về nuôi con chung: Anh C và chị H không có con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh C phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Mạnh C. Anh Nguyễn Mạnh C được ly hôn chị Lê Thị H.

Về Án phí: Anh Nguyễn Mạnh C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0003070, ngày 18/11/2021.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân dự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh Xuân, Lục Yên, Yên Bái;
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh